TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2022
V/v ***"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Huỳnh Thị Kim Phượng***
Các Hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Phạm Đức Anh.***
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng.

*- **Thư ký phiên tòa**: **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lý.***

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc **"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **147**/2022/QĐXXS-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2022/QĐ- HPTST ngày 09/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị Ngọc V,** sinh năm 1988 (Vắng mặt).
HKTT: ẤpViệt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh **Trần Thanh T,** sinh năm 1975 (Vắng mặt).
HKTT: Ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: ẤpViệt Kiều, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2022, bản tự khai, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc V trình bày:***

Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, kéo dài khoảng đầu năm 2020 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân anh T không chăm lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, đánh đập con dẫn đến sự cải vả thường xuyên trong vợ chồng. Kéo dài đến tháng 02 năm 2022 thì chị V dắt 03 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ thời gian đó và không qua lại hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên chị có yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung 03 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013 đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Không yêucầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh 08/08/2022 tại địa phương cho biết: chị Trương Thị Ngọc V và anh Trần Thanh T là vợ chồng và có 03 người con là Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013, vợ chồng anh T, chị V hiện nay không sống chung với nhau, chị V sống cùng 03 người con. (BL 27)

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn không chấp hành quy định pháp luật.

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc V. Chị Trương Thị Ngọc V được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013.

Sau khi ly hôn giao chị V tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013 đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị V được quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh T, chị V không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trương Thị Ngọc V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt chị Vui theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Ngọc V khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thanh T, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: ***"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",*** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: chị Trương Thị Ngọc V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Thanh T. Xét yêu cầu khởi kiện của chị V Hội đồng xét xử nhận định: Anh T và chị V tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, kéo dài khoảng năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân anh T không chăm lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, đánh đập con dẫn đến sự cải vả thường xuyên trong vợ chồng. Kéo dài đến tháng 02 năm 2022 thì chị V dắt 03 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ thời gian đó và không qua lại hàn gắn đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, khó để hàn gắn đoàn tụ nên chị có yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về việc chị V yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc V nhận thấy: anh T, chị V đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2022, vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị V có yêu cầu ly hôn với anh T. Xét yêu cầu trên của chị V là có cơ sở và cũng phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013.

Sau khi ly hôn giao chị V tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013 đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị V được quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng việc nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh T, chị V không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị

Trương Thị Ngọc V phải nộp 300.000đ*(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[7] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khỏan 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc V đối với anh Trần Thanh T về việc ***"Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*** Cho chị Trương Thị Ngọc V được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung:

Giao chị Trương Thị Ngọc Vui tiếp tục nuôi dưỡng 03 cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/10/2009, Trần Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 03/02/2011, Trần Gia B1, sinh ngày 05/9/2013 đến 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị V không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh T được quyền qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị V được quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị V không có lời khai về tài sản và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: chị Trương Thị Ngọc V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Vui đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006705 ngày 26/7/2022 được tính trừ vào án phí.

Chị Trương Thị Ngọc V, anh Trần Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Xuân Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự; Lưu hs.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Phượng